

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
GENERAL TERMS AND CONDITIONS OF CREDIT AGREEMENT
(Áp dụng cho Khách hàng cá nhân vay từng lần)
(Applied to Individual Customer – One time loan)

Điều 1. **Định Nghĩa**
Article 1. **Definitions**

Trong Hợp Đồng, trừ khi được quy định khác đi tại từng điều khoản cụ thể, các thuật ngữ được định nghĩa như sau:
In the Agreement, unless the context requires otherwise, the definitions are interpreted as follows:

- 1.1. “**Hợp Đồng**” là Hợp đồng tín dụng, bao gồm nội dung trong Hợp đồng tín dụng, Điều khoản và Điều kiện chung Hợp đồng tín dụng và các phụ lục và/hoặc bản sửa đổi/bổ sung/ điều chỉnh (nếu có).
“Agreement” is the Credit Agreement, includes contents of the Credit Agreement, General Terms and Conditions of the Credit Agreement and its annex(es) and/or amendments/supplements/ adjustments thereof (if any).
- 1.2. “**Hợp Đồng Bảo Đảm**” là (các) thỏa thuận và/hoặc văn bản về việc cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ,... được ký kết bởi/giữa Ngân Hàng và/hoặc Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba mà theo đó, Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba dùng quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của mình đối với tài sản và/hoặc dùng uy tín, cam kết của mình để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách Hàng theo Hợp đồng và các văn bản, thỏa thuận khác kèm theo (nếu có).
“Security Agreement(s)” means an agreement(s) and/or document(s) on pledged, mortgage, guarantee, deposit... signed by/between the Bank and/or the Customer and/or third party(ies), to which, the Customer and/or third party(ies) use their legal ownership/use right over asset(s) and/or use their credit, commitment to secure the Customer’s obligations under the Agreement and other attached agreement, documents thereof (if any).
- 1.3. “**Khoản Vay**” là tổng số tiền đã được Ngân Hàng giải ngân cho Khách Hàng theo các Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ căn cứ vào Hợp Đồng.
“Loan” means the total loan amount which is disbursed by the Bank to the Customer based on Drawdown Application Cum Debt Acknowledgement belonged to the Agreement thereof.
- 1.4. “**Khách Hàng**” là bên được cấp tín dụng với thông tin tại phần đầu Hợp Đồng.
“Customer” means the debtor with information stipulated in beginning of the Agreement therein.
- 1.5. “**Ngày Làm Việc**” là bất kỳ ngày nào, trừ thứ Bảy, Chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam và ngày mà Ngân Hàng được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quyết định của người/cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
“Business Day” means any day, excluded Saturday, Sunday, holidays, Tet holidays in accordance with the laws of Vietnam and days which the Bank is allowed or required to close as decision of competent authority.
- 1.6. “**Ngân Hàng**” là bên cấp tín dụng với thông tin tại phần đầu của Hợp Đồng.
“Bank” means the creditor with information stipulated in beginning of the Agreement therein.
- 1.7. “**Nợ Quá Hạn**” là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi không được hoàn trả đầy đủ vào ngày đến hạn.
“Overdue debt” means the debt which has a part or entire of its principal and/or interest has not been fully repaid on due date.
- 1.8. “**Thời Gian Ân Hạn**” là khoảng thời gian mà Khách Hàng không phải trả nợ gốc, chỉ thanh toán nợ lãi.
“Grace Period” means the period, that the Customer shall not repay principal, only pay interest.
- 1.9. “**Thời Hạn Cho Vay**” là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên đến thời điểm Khách Hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận giữa Khách Hàng và Ngân Hàng. Trường hợp ngày cuối cùng của Thời Hạn Cho Vay không phải là Ngày Làm Việc, thì chuyển sang Ngày Làm Việc tiếp theo.
“Loan Term” shall be the period that is counted from the next date of the first drawdown date to the date the Customer fulfills all of principal and interest debts as agreed between the Customer and the Bank. When the final day of the Loan Term is not a Business Day, it shall be adjourned to the next Business Day.
- 1.10. “**Thời Hạn Rút Vốn Vay**”: là khoảng thời gian mà Khách Hàng được phép rút vốn vay và được quy định tại Hợp Đồng.

(Ký tên)

“Loan Withdrawal Period” means the period that the Customer is allowed to withdraw the Loan and mentioned in the Agreement.

- 1.11. **“Thời Hạn Rút Vốn Vay Lần Đầu”** là khoảng thời gian mà Khách Hàng được phép rút vốn vay lần đầu và được quy định tại Mục I của Hợp Đồng này.
“First Loan Withdrawal Period” means the period that the Customer is allowed to firstly withdraw the Loan and stipulated in Item I of the Agreement.
- 1.12. **“Sự Kiện Vi Phạm”** là các sự kiện được quy định tại Điều 10.1 của Hợp Đồng này.
“Event of Default” means events provided in the Article 10.1 of this Agreement.
- 1.13. **“Văn Kiện Tín Dụng”** là (các) thỏa thuận và/hoặc văn bản quy định về việc cấp và sử dụng Khoản Vay bao gồm nhưng không giới hạn bởi Hợp Đồng, Đơn rút vốn vay kèm Khế ước nhận nợ, Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn,... cùng tất cả các phụ lục, sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản kèm theo khác (nếu có) được ký kết bởi/giữa Ngân Hàng và/hoặc Khách Hàng.
“Credit Documents” means agreement(s) and/or document(s) on providing and using the Loan, including but not limited by Agreement, Drawdown Application Cum Debt Acknowledgement, Notification letter on overdue debt, termination of loan and collect debt before maturity, ... and all annex(es), amendments, supplements, replacements and other attached documents thereof (if any) signed by/between the Bank and/or the Customer.

Điều 2. Rút Vốn Vay
Article 2. Loan Withdrawal

- 2.1. Quá Thời Hạn Rút Vốn Vay Lần Đầu hoặc Thời Hạn Rút Vốn Vay, Khách Hàng đương nhiên bị mất quyền sử dụng Khoản Vay hoặc giá trị Khoản Vay còn lại. Tuy nhiên, việc quyết định có tiếp tục giải ngân hay không sẽ được Ngân Hàng quyết định căn cứ vào tình hình thị trường và khả năng thu xếp nguồn vốn của Ngân Hàng.
After the First Loan Withdrawal Period or the Loan Withdrawal Period, the Customer shall lose the right to utilize the Loan or the remaining commitment amount of the Loan. However, the Bank reserves the right to decide whether to continue granting credit or not based on the actual market situation and the fund availability of the Bank.

- 2.2. Phương thức giải ngân:
Loan disbursement method:

Ngân Hàng sẽ giải ngân Khoản Vay cho Khách Hàng bằng việc giao cho Khách Hàng một khoản tiền thông qua dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt và/hoặc bằng tiền mặt theo qui định của pháp luật để thanh toán cho Bên thụ hưởng theo mục đích sử dụng vốn vay.
The Bank shall disburse the Loan to the Customer via transferring to the Customer a sum of money by non-cash payment service and/or payment in cash in accordance with the law to pay to beneficiary in accordance with the loan using purpose.

Điều 3. Lãi Trong Hạn
Article 3. Normal Interest

- 3.1. Phương pháp tính lãi trong hạn:
Normal Interest Calculation Method

Tiền lãi vay trong hạn bằng (=) dư nợ gốc thực tế nhân (x) với Lãi suất vay trong hạn nhân (x) với số ngày vay thực tế rồi chia (:) cho 365 (ngày)
Normal Interest Amount shall be equal (=) to actual outstanding principal multiplied (x) by Normal Interest Rate multiplied (x) by number of actual drawdown days then divided (:) by 365 (days)

Trong đó, số ngày vay thực tế của từng khoản rút vốn được tính từ ngày rút vốn vay trên Đơn rút vốn vay kèm Khế ước nhận nợ cho đến ngày trước ngày thực thanh toán nhưng không vượt quá ngày đến hạn. Trường hợp Khách Hàng trả nợ ngay trong ngày rút vốn vay, số ngày vay thực tế sẽ được tính là một (01) ngày.
In which, the number of days of loan in actual of each drawdown shall be calculated from the drawdown date on Drawdown Application Cum Debt Acknowledgement to the date before the actual repayment date but shall not exceed the due date. In case, the Loan is repaid on the drawdown date, the number of actual drawdown days shall be deemed as one (01) day.

- 3.2. Lãi suất tham chiếu:

Mẫu số: 040101R.1.1

Hiệu lực: 09/2023

Khách hàng đã đọc, hiểu và đồng ý/ *Customer read, understood and agreed*

Trang 2 / 17

(Ký tên)

Base interest rate

Lãi suất tham chiếu được qui định tại Hợp Đồng là chi phí huy động vốn của Ngân Hàng được xác định hàng tháng dựa trên bình quân lãi suất tiết kiệm của Ngân Hàng và các ngân hàng khác mà Ngân Hàng tham chiếu và biên độ chi phí của Ngân hàng.

The base interest rate stipulated in the Agreement is cost of capital mobilization which monthly determined by the Bank basing on the average term deposit rate of the Bank and other banks referred by the Bank and the Bank's expense margin.

- 3.3. Trường hợp Khách Hàng đề nghị hợp nhất các khoản rút vốn vay hiện hữu và được Ngân Hàng chấp thuận thì lãi suất cho vay của tất cả các khoản rút vốn vay đề nghị hợp nhất này sẽ được ấn định lại theo mức lãi suất vào ngày hợp nhất. Mức lãi suất được ấn định lại này được áp dụng cho toàn bộ dư nợ vay thực tế trong suốt Thời Hạn Cho Vay còn lại. Tiền lãi vay phát sinh đến ngày liền trước ngày hợp nhất và các khoản lãi, phí khác (nếu có) của các khoản rút vốn vay đề nghị hợp nhất này sẽ được thu trước khi thực hiện hợp nhất.

In case the Customer suggest to merge all existing drawdowns and get the approval from the Bank, the interest rate of all drawdowns which suggest to merge, will be re-priced at the interest rate on the date of application for merging. The repricing interest rate will be applied for whole actual outstanding balance which suggest to merge during remaining Loan Term. The interest arising up to the day immediately preceding the merging date and other interests and fees (if any) of all existing drawdowns suggested for merging will be collected before the merging is performed.

Điều 4. **Lãi Quá Hạn** Article 4. **Overdue Interest**

4.1. Lãi suất quá hạn:

Overdue interest rate:

- (a) Lãi suất quá hạn áp dụng đối với khoản nợ gốc được tính bằng 150% Lãi Suất Trong Hạn áp dụng tại thời điểm chuyển Nợ Quá Hạn ("**Lãi Suất Quá Hạn**");
*The applied overdue interest rate for principal(s) shall be equal to 150% of the Normal Interest Rate applied at the time of Overdue Debt conversion ("**Overdue Interest Rate**");*
- (b) Lãi suất quá hạn áp dụng đối với khoản nợ lãi bằng với Lãi Suất Quá Hạn nhưng không vượt quá 10%/năm;
The applied overdue interest rate for interest(s) shall be equal to Overdue Interest Rate but not exceed 10% per annum.

4.2. Phương pháp tính lãi quá hạn:

Overdue interest calculation method:

- (a) Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bằng (=) nợ gốc quá hạn nhân (x) với số ngày thực tế quá hạn, nhân (x) Lãi Suất Quá Hạn, rồi chia (:) cho 365 (ngày).
Interest on overdue principal is equal (=) to overdue principal multiplied (x) by number of actual overdue days, multiplied (x) by Overdue Interest Rate, then divided (:) by 365 (days).
- (b) Tiền lãi trên nợ lãi quá hạn bằng (=) nợ lãi quá hạn nhân (x) với số ngày thực tế quá hạn, nhân (x) với Lãi Suất Quá Hạn (không quá 10%/năm), rồi chia (:) cho 365 (ngày).
Interest on overdue interest is equal (=) to overdue interest multiplied (x) by number of actual overdue days, multiplied (x) by Overdue Interest Rate (not exceed 10%/year), then divided (:) by 365 (days).

Trong đó, số ngày thực tế quá hạn được tính từ ngày đến hạn trả nợ cho đến ngày trước ngày mà Khách Hàng thực trả số nợ gốc hoặc nợ lãi quá hạn tương ứng.

In which, the number of actual overdue days is calculated from due date to the date before the date the Customer repays corresponding overdue principal or interest.

Điều 5. **Phí** Article 5. **Fees and charges**

Khách Hàng thanh toán các loại phí liên quan đến việc cấp tín dụng và thực hiện các giao dịch theo Hợp Đồng và quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.

The Customer shall pay all fees and charges related to credit granting and transactions implementation under the Agreement and the Bank's policy from time to time in compliance with the laws.

Điều 6. Trả nợ
Article 6. Repayment

6.1. Trả nợ gốc:

Principal Repayment:

- (a) Khách Hàng phải trả nợ gốc của Khoản Vay cho Ngân Hàng vào các Ngày trả nợ gốc được qui định cụ thể trong các Đơn rút vốn vay kèm Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan.
The Customer must repay principal of the Loan to the Bank as per the term stipulated on the Drawdown Application Cum Debt Acknowledge and/or other related documents.
- (b) Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba bất kỳ (không phải Khách Hàng) có thể trả nợ gốc trước hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:
The Customer and/ or any else third party (not the Customer) could make early prepayment of the principals when satisfy all conditions as follow:
- (i) Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba đã trả hết các khoản nợ gốc và lãi đến hạn và quá hạn (nếu có); và
All of the due and overdue (if any) principals and interests are fully repaid by the Customer and/ or third party; and
- (ii) Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba đã thanh toán đầy đủ cho Ngân Hàng phí trả nợ trước hạn, các khoản phí, lệ phí khác có liên quan, tiền phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có); và
The Customer and/ or third party has fully paid early repayment fee, other related fees, expenses, fines, damages (if any) to the Bank; and
- (iii) Được Ngân Hàng chấp thuận dựa vào chính sách cho vay của Ngân Hàng trong từng thời kỳ.
Agreed by the Bank in accordance with the Bank's policy from time to time.

6.2. Nợ Quá Hạn

Overdue debt

- (a) Ngân Hàng được quyền đơn phương chuyển Nợ Quá Hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau (không áp dụng cho trường hợp Khách Hàng đã có văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ và đã được chấp thuận bởi Ngân Hàng như được đề cập cụ thể tại Điều 6.3):
The Bank has the right to unilaterally convert Overdue Debt in any of the following situations (not applied for the case of Customer has the written request on debt restructuring has approved by the Bank as mentioned in the Article 6.3)
- (i) Khi Khách Hàng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản gốc và/hoặc lãi và/hoặc phí nào vào ngày đến hạn trả nợ; hoặc
In case the Customer fails to fulfill or insufficiently fulfill any principal and/or interest and/or fee on the due date; or
- (ii) Khi Ngân Hàng tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm theo Điều 10;
In cases the Bank declares the "Event of Default" under Article 10 of the Agreement.
- (b) Khi một khoản nợ bị quá hạn, Ngân Hàng sẽ áp dụng Lãi Suất Quá Hạn cho khoản nợ đó;
When a debt is overdue, it shall be applied the overdue interest rate by the Bank;
- (c) Trong suốt thời gian phát sinh Nợ Quá Hạn, mọi yêu cầu giải ngân của Khách Hàng tại Ngân Hàng sẽ do Ngân Hàng toàn quyền xem xét quyết định đối với từng trường hợp.
During the period that Overdue Debts are arising, all the Customer's requests for disbursement shall be decided the Bank at its sole discretion on a case by case.

6.3. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:

Debt restructuring

- (a) Trường hợp cần cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì chậm nhất 15 Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn của Kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi, Khách Hàng phải gửi văn bản đề nghị đến Ngân Hàng, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lịch trả nợ mới và các hồ sơ theo yêu cầu của Ngân Hàng.
If arising the demand of debt restructuring, the Customer must sent written request which mentions the reason of requesting debt restructuring, new repayment schedule and other documents as the Bank's requirement to the Bank prior at least fifteen (15) Business Day before due date;
- (b) Ngân Hàng có toàn quyền quyết định chấp thuận hoặc từ chối cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ được xem là đã được đồng ý khi Ngân Hàng phát hành văn bản chấp thuận về việc đó.
The Bank, as its sole discretion, decides on acceptance or rejection of debt restructuring. Debt restructuring is only deemed as accepted when the Bank issues written acceptance for its.

6.4. Đồng tiền trả nợ vay:
Repayment currency

Đồng tiền Khách Hàng sử dụng để trả nợ vay (gốc, lãi) phải là Đồng tiền cho vay. Đồng tiền sử dụng để thanh toán phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo Hợp Đồng là đồng Việt Nam. Trường hợp Ngân Hàng tự động trích tài khoản tiền gửi của Khách Hàng để thu nợ thì Ngân Hàng có quyền chuyển đổi số tiền thu trên tài khoản đó sang đồng tiền trả nợ theo tỷ giá niêm yết của Ngân Hàng tại thời điểm chuyển đổi phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
The currency that the Customer uses to pay off the debts (principal, interest) is the Loan currency. The currency used to pay fees and other financial obligations under the Agreement shall be in Vietnam Dong. In case the Bank automatically debits the Customer's deposit account with its currency is different repayment currency, the Bank has the right to convert the corresponding amount on that account into the repayment currency at the exchange rate announced by the Bank at the time of conversion and complying with regulations of State Bank of Vietnam.

6.5. Thứ tự thu nợ:
Debt collection order

- (a) Khoản nợ trong hạn sẽ được thu theo thứ tự như sau: các khoản chi phí, phí của Ngân Hàng, các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãi trên dư nợ gốc trong hạn, các khoản nợ gốc đến hạn và các khoản có liên quan khác. Ngân Hàng bằng quyền tự quyết của mình có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên này mà không cần được Khách Hàng đồng ý.
The due debts shall be collected in order as follows: costs, banking fees and charges, penalties, compensation (if any), interest on due principals, due principals, fees and other relevant amounts. The Bank, at its sole discretion, may change such collection order without the Customer's agreement.
- (b) Đối với Nợ Quá Hạn, thứ tự thu nợ được thực hiện như sau: chi phí để xử lý và thu hồi Nợ Quá Hạn, nợ gốc quá hạn, lãi quá hạn trên gốc, lãi quá hạn trên lãi, lãi đến hạn và các loại phí và các khoản có liên quan khác. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ gốc quá hạn, Ngân Hàng thực hiện thu nợ theo thứ tự sau đây: (i) nợ gốc đã quá hạn, (ii) nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (bao gồm lãi đến hạn chưa thanh toán, lãi quá hạn trên gốc, lãi quá hạn trên lãi), (iii) nợ gốc đến hạn, (iv) nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.
In case of overdue loan, debt collection order will be as follows: fees to settle and collect the Overdue Debt, overdue principal, overdue interest on principal, overdue interest on interest, due interest, other fees and relevant amounts. In case a loan with one or some installments are overdue, the bank shall collect according to this order: (i) overdue principal, (ii) unpaid interest on overdue principal (including unpaid due interest amount, overdue interest on principal, overdue interest on interest), (iii) due principal, (iv) due interest on unpaid due principal.
- (c) Trong trường hợp Khoản Vay được trả nợ trước hạn một phần, số tiền trả nợ trước hạn sẽ được dùng để thanh toán cho (các) kỳ trả nợ gốc tiếp theo của Khoản Vay, số tiền gốc của (các) kỳ trả nợ còn lại (nếu có) không thay đổi, trừ trường hợp được Ngân Hàng chấp thuận khác đi.
In case of partial early prepayment, in principle, the prepayment amount is used to pay for next repayment period, the principal amount of remaining repayment period(s) (if any) remains unchanged, unless other approval of the Bank is required.
- (d) Vào ngày đến hạn trả nợ, Ngân Hàng được tự động trích tiền từ bất kỳ các tài khoản nào của Khách Hàng mở tại Ngân Hàng để thu nợ.

(Ký tên)

On the due date, the Bank shall automatically debit from any the Customer's account which opened at the Bank to collect debt.

Điều 7. **Tài Sản Bảo Đảm**
Article 7. **Collateral**

(Không áp dụng trong trường hợp không có tài sản bảo đảm)
(Not applied in case no collateral)

- 7.1. Thông tin chi tiết về (các) tài sản bảo đảm và việc bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách Hàng được quy định cụ thể trong (các) Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.
The detailed information on collateral(s) and security for the Customer's obligations are provided in the related Security Agreement(s).
- 7.2. Khách Hàng có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục cần thiết để thế chấp, cầm cố, ký quỹ... tài sản bảo đảm cho Ngân Hàng theo chỉ dẫn của Ngân Hàng và qui định pháp luật.
The Customer must finish all necessary procedures to mortgage, pledge, deposit ... the collateral to the Bank as the Bank's guideline and regulation of law.
- 7.3. Ngân Hàng tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành.
The Bank carries out the procedure for registration of security transaction at competent authorities for the collateral in accordance with the applicable law.
- 7.4. Đối với (các) tài sản bảo đảm phải mua bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng trong từng thời điểm:
For collateral(s) required to buy insurance as per the Bank's regulation from time to time:
- (a) Khách Hàng phải bảo đảm luôn duy trì bảo hiểm cho tài sản bảo đảm trong suốt thời gian từ trước khi giải ngân đến khi đã hoàn tất mọi nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng theo các điều kiện và yêu cầu của Ngân Hàng, trong đó, Ngân Hàng là Bên thụ hưởng đầu tiên và mọi thay đổi liên quan đến tài sản được bảo hiểm, Bên thụ hưởng và số tiền bảo hiểm (nếu có) phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân Hàng;
The Customer must ensure to always have insurance for the collaterals during the time from prior to using the granted credit until all Customer's repayment obligations have been fulfilled to the Bank in accordance with the Bank's conditions and requirements, in which, the Bank is the first beneficiary and all changes relating to the insured collaterals, the beneficiary and insurance amount (if any) must be approved in writing by the Bank;
- (b) Các chứng từ chứng minh việc mua bảo hiểm tài sản phải được cung cấp cho Ngân Hàng để lưu giữ theo yêu cầu của Ngân Hàng. Số tiền bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm sẽ được xem như một phần không tách rời của tài sản bảo đảm;
Evidences of insurance purchasing shall be provided to the Bank for keeping purposes as the Bank's requirement. The insurance amount with respect to the collaterals shall be considered as an integral part of the collaterals;
- (c) Thời hạn hiệu lực của bảo hiểm phải được duy trì trong suốt thời hạn từ trước khi giải ngân đến khi đã hoàn tất mọi nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng. Trong trường hợp thời hạn hiệu lực của bảo hiểm ngắn hơn thời hạn này, Khách Hàng có trách nhiệm gia hạn bảo hiểm và cung cấp giấy chứng nhận bảo hiểm mới cho Ngân Hàng ít nhất trong vòng 30 Ngày Làm Việc trước ngày hết hiệu lực của bảo hiểm. Nếu Khách Hàng không cung cấp giấy chứng nhận bảo hiểm mới theo quy định tại điều này thì Ngân Hàng có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ:
The validity period of insurance must be maintained during the period from prior to using the granted credit until all Customer's repayment obligations has been fulfilled to the Bank.. In case the validity period of insurance is shorter than such period, the Customer must extend the validity period of insurance and provides the new insurance certificate to the Bank at least within 30 Business Days prior to the insurance expiry date. In case the Customer doesn't not provide the new insurance certificate in accordance with this term, the Bank is entitled but not obligated to:
- (i) Lựa chọn công ty bảo hiểm và tự động trích tiền từ bất kỳ tài khoản nào của Khách Hàng tại Ngân Hàng để nhân danh Khách Hàng mua/gia hạn bảo hiểm với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng

với giá trị của tài sản bảo đảm hoặc nghĩa vụ được bảo đảm mà không cần Khách Hàng chấp thuận hay ký bất cứ hồ sơ/giấy tờ nào; và/hoặc

Choose the insurance company and automatically debit from any account of the Customer at the Bank to buy/extend insurance in favor of the Customer with the minimum insurance value shall be equal to value of collaterals or secured obligations without the Customer's acceptance or signing any document/paper; and/or

(ii) Đơn phương tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm và tiến hành thu hồi nợ như quy định tại Hợp Đồng;
Unilaterally declare the Event of Default and carry out debt recovery as mentioned in the Agreement;

(d) Trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng, Khách Hàng đồng ý cho Ngân Hàng được quyền cung cấp thông tin Khách Hàng và tài sản bảo đảm cho công ty bảo hiểm mà Ngân Hàng lựa chọn để hỗ trợ Khách Hàng thực hiện mua/gia hạn bảo hiểm;

During the effectiveness of the Agreement, the Customer agrees that the Bank can provide information on the Customer and collateral to the selected insurance company to buy/extend insurance;

(e) Khách Hàng theo đây đồng ý không hủy ngang để Ngân Hàng với tư cách là bên thụ hưởng và/hoặc ủy quyền cho Ngân Hàng sẽ trực tiếp nhận các khoản bồi thường bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra. Ngân Hàng tùy theo quyết định của mình có thể sử dụng các khoản bồi thường bảo hiểm để khấu trừ các khoản chi phí cần thiết (nếu có) và thu nợ (kể cả việc thu nợ trước hạn) trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Nếu các khoản bồi thường bảo hiểm chưa đủ để trả nợ thì Khách Hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản hoặc biện pháp đảm bảo khác được Ngân Hàng chấp nhận. Nếu các khoản bồi thường bảo hiểm còn dư, Ngân Hàng sẽ hoàn trả lại phần còn dư đó cho Khách Hàng.

The Customer hereby irrevocably agrees that the Bank as the beneficiary and/or authorizes to the Bank shall directly receive the insurance compensation amounts if any insurance event occurs. The Bank, at its sole discretion, can use the insurance compensation amounts to deduct necessary fees (if any) and recover debts (including early debt recovery) except for other agreement between both parties. In case that the insurance compensation amounts are not enough for repayment, the Customer is responsible to supplement other collaterals or security methods accepted by the Bank. The leftover of insurance compensation amounts (if any) shall be returned to the Customer by the Bank

7.5. Trong trường hợp, Ngân Hàng tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm mà Khách Hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng, Ngân Hàng được toàn quyền và Khách Hàng đồng ý xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo các phương thức được quy định cụ thể trong (các) Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan. Đồng thời, các khoản nợ khác tuy chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Ngân Hàng đương nhiên được quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ nợ.

In case that, the Bank declared Event of Default and the Customer fails to repay for the Bank, the Bank is fully entitle and the Customer agrees to settle collaterals for debt collection by the measures as stated in the relevant Security Agreement(s). Also, other debts, which are not yet been due, shall be considered to become due debts and the Bank shall have full rights to settle all collaterals to collect the whole debts.

7.6. Trong trường hợp nghĩa vụ trả nợ của Khách Hàng được bảo đảm bằng nhiều biện pháp bảo đảm thì Ngân Hàng có quyền lựa chọn một hoặc các biện pháp bất kỳ nào trong số các biện pháp bảo đảm đó để xử lý theo thứ tự do Ngân Hàng quyết định nhằm thu hồi nợ. Việc thay đổi một hoặc một số biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc xử lý các biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm khác.

In case the Customer's repayment obligation is secured by various security measures, the Bank has right to choose one or several of those security measures to settle in the order decided by the Bank for debt recovery. The change of one or several security measures, collaterals shall have no effect on settlement of other security measures/collaterals.

7.7. Trong trường hợp Khách Hàng không đồng thời là Bên bảo đảm, Khách Hàng mặc nhiên thừa nhận và đồng ý với nội dung Hợp Đồng Bảo Đảm, biện pháp bảo đảm mà không phụ thuộc vào việc Khách Hàng có tham gia ký kết, xác lập Hợp Đồng Bảo Đảm, biện pháp bảo đảm hay không.

In case, the Customer is not the securing party, the Customer automatically acknowledges and agrees with all terms of the Security Agreement, security measures regardless of whether the Customer signs, makes such Security Agreement, such security measures or not.

Điều 8. Quyền và Nghĩa Vụ của Ngân Hàng
Article 8. Rights and Obligations of the Bank

(Ký tên)

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác được quy định theo (các) Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và theo quy định của pháp luật, Ngân Hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

In addition to the other rights and obligations under the Credit Documents, Security Agreement(s) and regulations of laws, the Bank has the following rights and obligations:

8.1. Quyền của Ngân Hàng:
Rights of the Bank:

- (a) Từ chối cho vay và/hoặc ngừng giải ngân tiền vay khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
To refuse the credit granting and/or terminate disbursement request in any of the following situations:
- (i) Khách Hàng không đáp ứng đủ các điều kiện, thủ tục vay vốn/giải ngân theo yêu cầu của Ngân Hàng; hoặc
The Customer fails to fully satisfy conditions, procedures on loan/disbursement as required by the Bank's requirements;
 - (ii) Khách Hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định của Hợp Đồng, Hợp Đồng Bảo Đảm và các Văn Kiện Tín Dụng.
The Customer supplies wrong information, violates regulation of the Agreement, Security Agreement and Credit Documents.
 - (iii) Khách Hàng có phát sinh (i) thêm dư nợ và/hoặc phát sinh Nợ Quá Hạn tại bất kỳ Tổ chức tín dụng nào; hoặc (ii) xảy ra Sự kiện vi phạm mà Ngân Hàng đánh giá là có khả năng ảnh hưởng đến khả năng tài chính để trả nợ cho Ngân Hàng;
The Customer has incurred (i) additional loan balances and/or Overdue Debts at any Credit Institution; or (ii) occurrence of an Event of Default which the Bank considers likely to affect the financial ability to repay loan at the Bank;

Riêng đối với trường hợp Khách Hàng có các khoản cấp tín dụng liên quan đến các dự án đầu tư phải thực hiện quản lý rủi ro về môi trường theo quy định pháp luật hiện hành, Ngân Hàng có quyền (i) từ chối giải ngân và/hoặc tăng lãi suất cho vay nếu tại thời điểm giải ngân Dự án được đánh giá (lại) có rủi ro về môi trường và/hoặc nâng hạng rủi ro về môi trường, hoặc (ii) ghi nhận và xử lý Sự Kiện Vi Phạm theo Điều 10 dưới đây.

Particularly for the case where the Customer has credits related to investment projects that must manage environmental risks in accordance with current laws, the Bank has the right to (i) refuse to disburse and/or increase the loan interest rate if at the time of disbursement the Project is re-evaluated to have environmental risks and/or environmental risk upgrade, or (ii) record and declare the Event of Default in accordance with Article 10 below.

- (b) Kiểm tra (định kỳ hoặc đột xuất) hoặc yêu cầu Khách Hàng thông báo, cung cấp các báo cáo, tài liệu chứng minh về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài chính, tài sản, thu nhập của Khách Hàng, về tài sản bảo đảm, hoặc các thông tin khác liên quan đến Khoản Vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Khách Hàng;
To examine (regularly or irregularly) or request the Customer to report, provide all kinds of reports, materials for proving loan using purpose, status of finance, assets of the Customer, revenues, collaterals, and other information relating to the Loan or the performance of the Customer's repayment obligations.

- (c) Yêu cầu Khách Hàng sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Khách Hàng để thanh toán các khoản nợ cho Ngân Hàng đầy đủ, đúng hạn;
To require the Customer to use all of their assets and revenues to pay all debts to the Bank in full and on time.
- (d) Trường hợp để thanh toán cho bất cứ khoản nợ gốc, nợ lãi, phí nào đã đến hạn mà chưa được Khách Hàng thanh toán, ngay khi Ngân Hàng tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm, Ngân Hàng được quyền tự động:
In case of payment for any principal, interest, fees which are due but have not been repaid by the Customer or when the Bank declares Event of Default, the Bank shall have the rights automatically:
- (i) Phong tỏa bất kỳ tài khoản nào của Khách Hàng tại Ngân Hàng;
To block any the accounts of Customer at the Bank.
- (ii) Trích tiền ký quỹ, tiền trong tài khoản hoặc bất kỳ khoản tiền nào khác của Khách Hàng tại Ngân Hàng và/hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng khác ngay lập tức trích và chuyển cho Ngân Hàng bất kỳ khoản tiền nào của Khách Hàng tại tổ chức tín dụng đó được dùng làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách Hàng;
To debit deposit, demand account or any money of the Customer at the Bank and/or to request other credit institutions immediately debit and transfer to the Bank any of the Customer's amount there which are collaterals for the Customer's obligations.
- (iii) Xử lý giấy tờ có giá của Khách Hàng tại Ngân Hàng và/hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng khác ngay lập tức xử lý giấy tờ có giá của Khách Hàng tại tổ chức tín dụng đó được dùng làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Khách Hàng.
To settle valuable documents of the Customer at the Bank and/or immediately to request other credit institutions to settle of valuable documents of the Customer at that credit institutions which are collaterals for the Customer's obligation.

Nếu loại tiền trích hoặc thu được khác với loại tiền trả nợ thì áp dụng tỷ giá quy đổi ngoại tệ do Ngân Hàng xác định tại thời điểm trích hoặc thu được
In case of different currency between the collected amount, the foreign currency exchange rate determined by the Bank at the time of debit or collection shall be applied;

- (e) Yêu cầu Khách Hàng thực hiện thay thế và/hoặc bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc (các) biện pháp bảo đảm khác trong trường hợp: (i) Khoản Vay có tài sản bảo đảm nhưng tài sản bảo đảm không còn, bị mất mát, bị thu hồi hoặc giá trị của tài sản bảo đảm tại từng thời điểm theo xác định của Ngân Hàng không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Khách Hàng; hoặc (ii) Khách Hàng bị sụt giảm xếp hạng tín dụng theo kết quả đánh giá và quy định của Ngân Hàng;
To request the Customer to replace and/or supplement additional collateral(s) and/or other security measure(s) in case: (i) the Loan is secured by collateral(s) but it is no longer available, lost, revoked or its/their value from time to time as the Bank's determination is insufficient to secure for repayment payment obligation of the Customer; or (ii) the Customer's credit rating downgrade under assessment result or regulation of the Bank;
- (f) Thay mặt Khách Hàng bổ sung các thông tin còn thiếu trên các Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và các chứng từ có liên quan để hoàn thiện các văn bản này nhằm mục đích phục vụ giao dịch.
On behalf of the Customer to supplement insufficient information in the Credit Documents, Security Agreements and other related documents in order to make them fulfilled for transaction.
- (g) Đơn phương tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm và tiến hành thu hồi nợ như quy định tại các Văn Kiện Tín Dụng và các Hợp Đồng Bảo Đảm.
To unilaterally declare the Event of Default and carry out debt recovery as terms of the Credit Documents and Security Agreement(s).

8.2. Nghĩa vụ của Ngân Hàng:
The Bank's obligations:

- (a) Trong khả năng của mình, thu xếp cấp tín dụng đầy đủ và kịp thời theo thỏa thuận khi Khách Hàng xuất trình đầy đủ các chứng từ hợp lệ theo yêu cầu của Ngân Hàng;
Within the Bank's capability, to provide credit fully and on time as committed when the Customer presents document sufficiently and legally as the Bank's request;

- (b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng và bảo mật các thông tin có được từ Khách Hàng cho mục đích ký kết và thực hiện các Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm, các tài liệu khác có liên quan và không được cung cấp cho bên thứ ba. Bằng việc ký kết Hợp đồng này, Khách Hàng đồng ý không hủy ngang và vô điều kiện để Ngân hàng toàn quyền cung cấp, xử lý thông tin có được từ Khách Hàng mà không cần phải thực hiện bổ sung bất kỳ thủ tục xin chấp thuận nào trước của Khách Hàng trong các trường hợp sau đây:
To file the credit documents and to keep confidential the information received from the Customer for the purpose of signing and executing of the Credit Documents, Security Agreement(s), other related documents and do not provide such information to a third party. By signing this Agreement, the Customer irrevocably and unconditionally agrees the Bank has the full right to provide and process information obtained from the Customer without having prior consent of the Customer in the following cases:
- (i) Theo yêu cầu pháp luật hoặc nhằm tuân thủ các yêu cầu của thủ tục tố tụng, giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc trọng tài thương mại;
As requested by the laws or aiming to comply with the requirements under procedure, dispute settlement at the court or commercial arbitration;
 - (ii) Cung cấp thông tin cho Trung tâm Thông tin Tín dụng (CIC) của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, cho (các) công ty thông tin tín dụng, cho tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật;
To provide information to Credit Information Center (CIC) of State Bank of Vietnam, to credit information company(ies), to others credit institutions in accordance with the laws and regulations;
 - (iii) Cung cấp thông tin cho luật sư, bên tư vấn, kiểm toán độc lập, bên mua nợ hoặc bên nhận chuyển giao quyền, nghĩa vụ (nếu có) với điều kiện là bên nhận thông tin phải có cam kết bằng văn bản về việc bảo mật các thông tin nhận được và chỉ sử dụng thông tin cho mục đích công việc phù hợp với chức năng hoạt động của bên nhận thông tin;
To provide information to lawyers, consultants, independent audits, loan buyers or the transferees of right and obligation (if any) provided that such receiver must keep information confidentiality and only use such information on suitable purposes of their operational function.
 - (iv) Cung cấp thông tin cho các đơn vị thành viên khác thuộc Tập Đoàn Tài Chính Shinhan;
To provide information to other members of Shinhan Finance Group;
 - (v) Các trường hợp cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật như cung cấp thông tin theo yêu cầu của Khách Hàng, cơ quan hải quan, cơ quan thuế (kể cả cơ quan thuế nước ngoài), cơ quan điều tra, tòa án, cơ quan thi hành án và thừa phát lại và cơ quan phòng chống rửa tiền (kể cả cơ quan phòng chống rửa tiền nước ngoài);
Case of providing information in accordance with the laws such as supplying information at the request of the Customer, customs agencies, tax agencies (including the abroad tax agency), investigation authorities, courts, enforcement agencies, bailiff agencies and anti-money laundering agencies (including abroad anti-money laundering agencies);
 - (vi) Để thực hiện các Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và các hợp đồng khác có liên quan;
In order to implement the Credit Documents, Security Agreement(s) and other related contracts;
 - (vii) Thông báo và cung cấp thông tin liên quan đến việc Khách Hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào và cho bất kỳ bên thứ ba nào phù hợp nhằm mục đích thu hồi nợ mà không cần phải thông báo hay phải được sự đồng ý trước của Khách Hàng.
To inform and provide information regarding Customer's breach of payment obligations to any competent governmental authority and to any third party for the purpose of debt recovery without notifying or obtaining prior consent of the Customer;
 - (viii) Các trường hợp khác mà không vi phạm quy định của pháp luật.
Other cases which do not break the laws and regulations.
- (c) Ngân Hàng cũng thông báo cho Khách Hàng về việc chấm dứt cho vay và/hoặc chuyển Nợ Quá Hạn bằng một trong các hình thức thông báo theo quy định tại Hợp Đồng. Nội dung thông báo tối thiểu gồm: thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; số dư nợ gốc bị quá hạn/ thu hồi trước hạn; thời hạn

hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời điểm chuyển Nợ Quá Hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị quá hạn/ thu hồi trước hạn.

The Bank shall inform the Customer on cease of lending and/or conversion to Overdue Debt by one of the notice forms according to the Agreement. The minimum content of the notice includes: the time of loan termination; early debt recovery; the outstanding principal debt to be overdue/early recovered; deadline for repayment of early recovered outstanding principal; date of conversion to Overdue Debt and interest rate applied to the overdue outstanding principal/recovered before maturity.

Điều 9. **Quyền và Nghĩa Vụ của Khách Hàng**
Article 9. ***Rights an Obligations of the Customer***

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác được quy định theo (các) Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và theo quy định của pháp luật, Khách Hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

In addition to the other rights and obligations under the Credit Documents, Security Agreement(s) and regulations of law, the Customer has the following rights and obligations:

9.1. **Quyền của Khách Hàng:**
Rights of the Customer:

- (a) Yêu cầu Ngân Hàng cấp vay theo thời hạn đã thỏa thuận;
To request the Bank to grant credit in time as agreed;
- (b) Từ chối các yêu cầu của Ngân Hàng không đúng với các thỏa thuận trong Các Văn Kiện Tín Dụng hoặc trái với quy định của pháp luật.
To refuse the requests of the Bank which are not complied with the Credit Documents or not complied with the legal regulations.

9.2. **Nghĩa vụ của Khách Hàng:**
Obligations of the Customer:

- (a) Sử dụng số tiền vay đúng mục đích, thực hiện đúng các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận trong các Văn Kiện Tín Dụng, (các) Hợp Đồng Bảo Đảm và phù hợp với quy định, pháp luật Việt Nam;
To use loan amount in right purpose and in compliance with all the terms and conditions of the Credit Documents, Security Agreement(s) and the law and regulations of Vietnam.
- (b) Chủ động thanh toán nợ gốc, lãi tiền vay và phí đúng hạn cho Ngân Hàng;
To positively repay the principals, interests and fees to the Bank on time;
- (c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Ngân Hàng vào bất kỳ thời điểm nào và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, toàn vẹn của các thông tin, tài liệu đã cung cấp theo đúng mục đích vay vốn và/hoặc phương án vay vốn; tạo điều kiện cho Ngân Hàng kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sử dụng Hạn Mức Tín Dụng, mục đích sử dụng Hạn Mức Tín Dụng, tài sản bảo đảm cũng như khả năng trả nợ của Khách Hàng;
To provide sufficient, timely and truthful information and related documents at the Bank's request at any time and be responsible for the accuracy, truthfulness, completeness, integrity of provided information and documents in accordance with the loan purpose and/or the plan of business loan; to facilitate the Bank to check regularly or irregularly Credit Limit usage, the collaterals and the Customer's repayment ability;
- (d) Trường hợp Khách Hàng có các khoản cấp tín dụng liên quan đến các Dự án đầu tư phải thực hiện quản lý rủi ro về môi trường theo quy định pháp luật hiện hành, Khách Hàng cam kết:
 - (i) Thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng;
Take measures to limit environmental risks in credit extension activities;
 - (ii) Tuân thủ các yêu cầu, khuyến nghị về các biện pháp giảm thiểu, khắc phục rủi ro về môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Ngân Hàng trong từng thời kỳ;
Comply with the requirements and recommendations on measures to reduce and overcome environmental risks of competent state agencies and/or the Bank from time to time;

(Ký tên)

- (iii) Lập kế hoạch hành động và thời gian thực hiện cụ thể để giảm thiểu rủi ro về môi trường trước hoặc sau giải ngân theo cam kết hoặc yêu cầu của Ngân Hàng;
Make action plan and specific implementation time to reduce environmental risks before or after disbursement according to commitments or requests of the Bank;
- (iv) Phối hợp cùng Ngân Hàng trong công tác giám sát rủi ro về môi trường định kỳ hoặc đột xuất;
Cooperate with the Bank in periodically or irregularly monitoring environmental risks;
- (v) Thông báo và hoặc cung cấp đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu của Ngân Hàng bao gồm nhưng không giới hạn: (a) các thông tin phục vụ công tác quản lý rủi ro về môi trường, (b) báo cáo về việc thực hiện các cam kết nhằm hạn chế rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, (c) các quyết định thanh tra, xử phạt hoặc các kết luận của cơ quan có thẩm quyền về rủi ro môi trường của Dự án và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã cung cấp và/hoặc thông báo;
Inform and provide completely and timely at the request of the Bank including but not limited to: (a) information for environmental risk management, (b) report on the implementation of commitments to limit environmental risks in credit extension activities, (c) inspection and sanctioning decisions or conclusions of competent authorities about the Project's environmental risks, and is responsible for responsibility for the accuracy and truthfulness of the information provided and/or informed.
- (e) Thanh toán đầy đủ cho Ngân Hàng các loại phí và chi phí liên quan đến việc cấp tín dụng, thu hồi nợ, quản lý Khoản Vay, chuyển đổi ngoại tệ, tư vấn tài chính và các khoản phí và chi phí khác phát sinh trong quá trình thực hiện các Văn Kiện Tín Dụng và (các) Hợp đồng bảo đảm nếu việc thu các loại phí này không trái với quy định của pháp luật có liên quan;
To adequately pay to the Bank the fees and expenses related to credit granting, debt recovery, loan administration, currency conversion, financial consulting and other fees and expenses incurred during the performance of the Credit Documents and Security Agreement(s) if such fees collection is not contravened by the related regulations of law;
- (f) Thanh toán cho bên thứ ba các khoản phí và chi phí liên quan đến việc cấp tín dụng, bảo đảm bằng tài sản, bao gồm nhưng không giới hạn bởi phí và chi phí thẩm định giá/giám định/định giá tài sản, công chứng/chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm. Các khoản phí và chi phí này do bên thứ ba quyết định. Khách Hàng theo đây đồng ý và xác nhận rằng Ngân Hàng có quyền tự động trích nợ từ bất kỳ tài khoản nào của Khách Hàng để thu các loại phí nói trên;
To pay to third party the fees and expenses related to granting credit, security measures by asset, including but not limited to fees and expenses of asset evaluation/appraisal/price determination, notarization/authentication and security transaction registration. Those fees and expenses shall be decided by the third party. The Customer hereby agrees and confirms that the Bank has rights to automatically debit to any Customer's accounts to collect the fees and expenses mentioned above;
- (g) Thanh toán các khoản phí và chi phí phát sinh trong quá trình bàn giao, xử lý tài sản bảo đảm nhằm thu hồi nợ và/hoặc xử lý các khoản nợ (nếu có);
To pay the fees and expenses arising during the process of handover, settling collateral(s) for the debt recovery and/or the settlement for the debt(s) (if any);
- (h) Không dùng tài sản bảo đảm nêu tại Hợp Đồng và hoặc (các) Hợp Đồng Bảo Đảm để bảo đảm cho nghĩa vụ của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác khi chưa hoàn thành xong mọi nghĩa vụ cho Ngân Hàng hoặc khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân Hàng;
Not use the collaterals mentioned in the Agreement and/or Security Agreement(s) for securing any obligations of any individual and/or other organization(s) if all the Customer's obligations are not fully fulfilled to the Bank or without a prior written approval from the Bank;
- (i) Thanh toán khoản tiền còn lại cho Ngân Hàng trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản bảo đảm không đủ thanh toán tất cả các khoản nợ của Khách Hàng đối với Ngân Hàng;
To pay the remaining amount to the Bank in case the proceeds for the amounts received from settlement of collaterals are not enough to cover all Customer's debts to the Bank;

(Ký tên)

- (j) Gia hạn thời hạn hiệu lực của từng Thư bảo lãnh bảo đảm cho Khoản Vay (nếu có), chứng thư bảo hiểm cho (các) tài sản bảo đảm có liên quan (nếu có) ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày hết hạn hiệu lực của các văn bản đó.
To extend the validity period of each Letter of guarantee secured for the Loan (if any) insurance certificate of related collateral(s) (if any) at least thirty (30) days before the expiry date of each such documents.

Điều 10. **Sự Kiện Vi Phạm**
Article 10. **Event of Default**

10.1. **Tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm:**
Declaration of Event of Default:

Ngân Hàng có quyền đơn phương tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm và thông báo cho Khách Hàng khi một trong các sự kiện sau xảy ra:

The Bank shall have the right to unilaterally declare the Event of Default Status and inform to the Customer when one of the following events occurs:

- (a) Khách Hàng không hoàn trả đầy đủ bất kỳ khoản nợ đến hạn nào theo các Văn Kiện Tín Dụng;
The Customer fails to pay fully any due debt under Credit Documents;
- (b) Bất kỳ Thư bảo lãnh hoặc Thư tín dụng dự phòng bảo đảm cho Khoản vay hoặc chứng thư bảo hiểm cho (các) tài sản bảo đảm có liên quan nào không được gia hạn hiệu lực trước ngày hết hạn hiệu lực tối thiểu 30 ngày (nếu có);
The validity of any Letter of Guarantee or Standby Letter Credit secured for Loan or insurance certificate of security asset(s) are not extended at least 30 days before expiry date (if any);
- (c) Khách Hàng không cung cấp được tài liệu theo yêu cầu của Ngân Hàng để kiểm tra việc sử dụng Khoản Vay; hoặc cung cấp tài liệu, thông tin sai sự thật; hoặc phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của Khách Hàng không được thực hiện hoặc không thể tiếp tục thực hiện;
The Customer does not provide the documents as requested by the Bank to check Loan using; or provide untrue documents, information; or arising events that lead to not or unable implement Loan using purpose of the Customer;
- (d) Khách Hàng sử dụng Khoản Vay sai mục đích, hoặc kinh doanh thua lỗ nhưng không khắc phục được, hoặc các tài sản bảo đảm bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị trầm trọng, bị thu hồi, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, hoặc xảy ra sự kiện bảo hiểm đối với các tài sản bảo đảm phải mua bảo hiểm theo quy định của Ngân Hàng, mà Ngân Hàng, bằng quyền tự quyết của mình, nhận định rằng các sự kiện đó có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Ngân Hàng;
The Customer uses the Loan for improper purposes, or business is in loss and unable to be recovered, or collaterals are lost, damaged, seriously devalued, revoked, zoned or in relation to dispute, claim, lawsuit, or in case of occurring the insurance event to collaterals required to be insured as the Bank's regulations that the Bank at its discretion determines such events shall be possible to effect the Bank's recovery of debts;
- (e) Khách Hàng bị liên quan tới vụ án hình sự (bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, áp dụng hình phạt ...); hoặc Khách Hàng liên quan tới các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Ngân Hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách Hàng;
The Customer is related a criminal case (are accused, investigated, prosecuted, brought to trial, imposed a sentence ...) or the Customer is related to the dispute, claim or lawsuit that the Bank at its discretion determines to effect the Customer's payment ability to the Bank;
- (f) Khách Hàng thay đổi địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho Ngân Hàng;
The Customer changes the registered address, or contact address without any notice to the Bank;
- (g) Tình hình tài chính, thu nhập/doanh thu, tài sản của Khách Hàng giảm sút mà Ngân Hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách Hàng; phần lớn tài sản của Khách Hàng bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp;
The Customer's status of finance, income/turnover, assets are dropped down that the Bank at its discretion determines to effect the Customer's payment ability to the Bank; the majority of Customer's assets is subject to the distain, block, seize or disputes;

(Ký tên)

- (h) Khách Hàng bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị mất tích hoặc bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc không thông báo cho Ngân Hàng khi thay đổi nơi cư trú;
The Customer is an individual who is dead or is declared to be dead by the court; lost or is declared by the court to be lost, lost the civil act capacity; divorces, flees or changes the residence address without any notice to the Bank;
- (i) Trường hợp các nghĩa vụ của Khách Hàng theo Hợp Đồng được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
In case the Customer's obligations under this Agreement are secured by the collaterals of the third party with the occurrence of the following case:
- (i) Bên thứ ba là cá nhân hoặc hộ gia đình/hộ kinh doanh có thành viên là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị mất tích hoặc bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc không thông báo cho Ngân Hàng khi thay đổi nơi cư trú; hoặc
The third party is an individual or a household/business household which has a member who is dead or is declared by the court to be dead, lost or is declared by the court to be lost, or is lost the civil act capacity; divorces, flees or changes the residence address without any notice to the Bank; or
- (ii) Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác tự thực hiện hoặc bị yêu cầu thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; hoặc không thông báo cho Ngân Hàng khi có thay đổi về địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc, cơ cấu tổ chức mà Ngân Hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của Bên thứ ba;
The third party is an enterprise or organisation which implements by itself or is required to implement the conversion, division, separation, consolidation, merger, dissolution, bankruptcy; changing the registered address, or contact address, organization structure without any notice to the Bank and the Bank at its discretion determines the aforesaid issues may effect the third party's ability in secured obligations implement;
- (iii) Bên thứ ba vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào theo (các) Hợp Đồng Bảo Đảm;
The third party fails any obligation under the Security Agreement(s);
- (j) Khách Hàng không thể thực hiện đúng hoặc vi phạm bất kỳ điều khoản nào của các Văn Kiện Tín Dụng và/hoặc các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan;
The Customer fails to carry out or breaks any terms and conditions of the Credit Documents and/or Security Agreements;
- (k) Bất cứ sự kiện nào phát sinh mà theo đánh giá hợp lý của Ngân Hàng có thể tác động xấu đến khả năng thực hiện một trong các nghĩa vụ của Khách Hàng như đề cập tại Hợp Đồng;
Any event occurs which in the reasonable opinion of the Bank does or will prevent fulfillment by the Customer of their respective obligations under this Agreement;
- (l) Xảy ra Sự Kiện Vi Phạm đối với bất kỳ Hợp Đồng tín dụng nào khác đã ký giữa Khách Hàng và Ngân Hàng.
There is any Event of Default to any other credit agreement signed by the Customer and the Bank.

10.2. Xử lý Sự Kiện Vi Phạm:
Settlement of the Event of Default:

Ngay khi tuyên bố Sự Kiện Vi Phạm, tất cả khoản nợ của Khách Hàng tuy chưa đến hạn theo Hợp Đồng và các Hợp đồng tín dụng khác được ký giữa Ngân Hàng và Khách Hàng sẽ được coi là đến hạn. Ngay khi thông báo theo Điều 8.2 (c), Ngân Hàng có toàn quyền đơn phương lựa chọn tiến hành một hoặc các hành động sau:

Upon declaration of the Event of Default, all the Customer's debts that have not been due under the Agreement and other Credit Agreements signed by the Bank and the Customer shall be considered as being due. Right after the notice per Article 8.2.(c), the Bank shall, at its sole discretion, take one or several of the following actions:

- (i) Chấm dứt việc cấp tín dụng và thu nợ một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ còn tồn đọng của Khách Hàng;

To cease granting credit, and collect a part or the whole of Customer's outstanding debt;

- (ii) Yêu cầu bên bảo đảm (nếu có) thực hiện nghĩa vụ trả thay cho Khách Hàng;
To request the securing party(ies) (if any) to fulfill the repayment obligations in place of the Customer;
- (iii) Xử lý tài sản bảo đảm (nếu có) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;
To settle the collaterals (if any) in order to recover the debts in accordance with the laws and regulations;
- (iv) Sử dụng các khoản bồi thường bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm của Khoản Vay để khấu trừ các khoản chi phí cần thiết (nếu có) và thu hồi nợ (kể cả việc thu hồi nợ trước hạn);
To use the insurance compensation amounts when any insurance event for collaterals for the Loan occurs to deduct necessary fees (if any) and recover debts (including early debt recovery).
- (v) Khởi kiện Khách Hàng và các bên có liên quan ra tòa án có thẩm quyền để thu hồi các khoản nợ.
To initiate lawsuit against the Customer and involved parties to recover the debts.

Điều 11. Thông Báo **Article 11. Notice**

11.1. Bất kỳ thông báo, thư từ, xác nhận hoặc liên lạc nào khác từ Ngân Hàng đến Khách Hàng được thực hiện theo bất kỳ hình thức nào quy định dưới đây đến địa chỉ, số điện thoại/fax hoặc email mà Khách Hàng đã đăng ký với Ngân Hàng sẽ được xem là có hiệu lực vào thời gian được xác định như sau:
Any notification/announcement, mailing, confirmation or other communication from the Bank to the Customer executed to the Customer's registered address, phone/fax number or email by any following mode shall be effective and valid on defined time as below:

- (a) Trong trường hợp được giao tận tay hoặc gửi thư chuyển phát nhanh: vào ngày giao;
By hand or by EMS: on delivery date;
- (b) Trong trường hợp gửi thư thường: sau bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày gửi đi;
By post-mail: after four (04) working days from the sending date;
- (c) Trong trường hợp gửi bằng email, fax, tin nhắn hoặc các phương tiện điện tử khác: vào thời điểm gửi đi trừ khi Ngân Hàng nhận được thông báo “thư chưa gửi được”;
By email, fax, SMS or electronic modes: at sending time unless the Bank received “unsent message”;
- (d) Trong trường hợp bằng điện thoại có ghi âm: vào lúc kết thúc cuộc gọi đó;
In case of by record phone call: at the end of such phone call;
- (e) Trong trường hợp niêm yết tại bất kỳ Chi nhánh, Phòng giao dịch hoặc văn phòng nào của Ngân Hàng tại Việt Nam: sau mười (10) ngày kể từ ngày niêm yết;
In case of by publication at any Branch, Transaction Office or any office of the Bank in Vietnam: after ten (10) days from the published date;
- (f) Trong trường hợp đăng quảng cáo các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng hoặc công bố trên website của Ngân Hàng (shinhan.com.vn): sau hai (02) ngày kể từ ngày đăng.
By advertisement on public media channels or announced on the Bank's website (shinhan.com.vn): after 02 days from posting/published date.

Các Bên đồng ý rằng địa chỉ, số điện thoại/fax và email của Khách Hàng được đề cập trong Điều 11.1 này là địa chỉ, số điện thoại/fax và email của Khách Hàng được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng hoặc được đăng ký thay đổi với Ngân Hàng trong từng thời điểm. Việc đăng ký thay đổi phải được Khách Hàng gửi thông báo bằng văn bản đến Ngân Hàng và sẽ chỉ có hiệu lực sau năm (05) Ngày Làm Việc (hoặc một thời hạn khác được Các Bên thỏa thuận) kể từ ngày Ngân Hàng nhận được thông báo này. Khách Hàng mặc nhiên được xem là đã nhận được/đồng ý mọi thông báo, thư từ, xác nhận hoặc liên lạc khác của Ngân Hàng nếu Ngân Hàng đã thực hiện đúng như được qui định tại đây. Ngân Hàng không có nghĩa vụ phải xác minh việc Khách Hàng đã nhận được các thông báo, thư từ, xác nhận hoặc liên lạc khác này hay chưa.

(Ký tên)

The Parties agree that the Customer's address, phone/fax number and email mentioned in this Article 11.1 herein are the Customer's address, phone/fax number and email in the first above written in this Agreement or registered with the Bank for change from time to time. The register of change has been informed to the Bank in written and shall only be effective after five (05) Business Days (or another period agreed by Parties) from the date the Bank receives this notice. The Customer is automatically deemed as it has received/agreed all the Bank's notifications/announcements, mailings, confirmations or other communications if they have been executed by the Banks as stated herein. The Bank has no obligation to verify the receipt of the Customer for these notifications/announcements, mailings, confirmations or other communications.

11.2. Khách Hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng trong vòng 10 ngày khi xảy ra một trong những sự kiện sau:

The Customer notices in written to the Bank within 10 Business Days upon occurrence of one of the following events:

- (a) Một trong các trường hợp quy định tại Điều 9.2 (d), 10.1(d), (e), (f), (g), (h) và (i) tại Hợp Đồng;
One of the cases stated under Article 9.2 (d), 10.1(d), (e), (f), (g), (h) and (i) of this Agreement.
- (b) Thay đổi về tên, địa chỉ, email, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác của Khách Hàng ảnh hưởng đến thông tin, liên lạc giữa Các Bên;
Changing the Customer's name, address, email, telephone, and/or other changes that effect the information or communication between the Parties;
- (c) Thay đổi tình trạng hôn nhân, phát sinh phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân;
Changing the marital status, property division during marital period.

Thông báo của Khách Hàng được xem là có hiệu lực khi được gửi bằng hình thức giao trực tiếp hoặc gửi thư chuyển phát nhanh đến địa chỉ của Ngân Hàng, thời điểm có hiệu lực của thông báo được xác định vào ngày giao.

The Customer's notification shall be effective when sent directly or EMS to the Bank's address, effective time of notification is on sending date.

Điều 12. Chuyển Nhượng và Chuyển Giao

Article 12. Assignment and Transfer

12.1. Ngân Hàng, bằng quyền tự quyết của mình, có thể bán hoặc chuyển nhượng hoặc chuyển giao một phần hoặc toàn bộ khoản nợ của Khách Hàng theo các Văn Kiện Tín Dụng này cho bên thứ ba.
The Bank, at its sole discretion, may sell or assign or transfer a part or whole of the Customer's debts under the Credit Documents to a third party(ies).

12.2. Khách Hàng không được chuyển nhượng hoặc chuyển giao Hợp Đồng cho bên thứ ba trong bất cứ trường hợp nào nếu không được sự đồng ý của Ngân Hàng bằng văn bản.
The Customer is not allowed to transfer the Agreement to a third party(ies) in any case without written approval of the Bank.

12.3. Trường hợp Hợp Đồng được chuyển giao cho một đơn vị khác trực thuộc Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam hoặc Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam có bất cứ sự thay đổi nào về tên, cấu trúc và hoạt động thì Các Bên không cần phải ký bất kỳ thỏa thuận nào để sửa đổi bổ sung Hợp Đồng cũng như (các) Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan (nếu có). Tuy nhiên, Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam hoặc Ngân Hàng hoặc đơn vị nhận chuyển giao phải thông báo bằng văn bản về việc chuyển giao và hoặc thay đổi nêu tại Điều 12.3 này cho Khách Hàng.
In case the Agreement is transferred to another unit belonged to Shinhan Bank Vietnam Limited or there is any change on name, structure or operation of the Bank or Shinhan Bank Vietnam Limited, the signing an agreement to amend, supplement the Agreement and/or the related Security Agreement(s) (if any) is not required. However, Shinhan Bank Vietnam Limited or the Bank or the receiving unit has to give a notice on this transfer and/or change stated in this Article 12.3 herein to the Customer.

Điều 13. Luật Áp Dụng và Giải Quyết Tranh Chấp

Article 13. Applicable Law and Dispute Settlement

13.1. Hợp Đồng được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
The Agreement is adjusted and understood according to Laws of Vietnam.

- 13.2. Bất kỳ tranh chấp nào, kể cả mâu thuẫn về mặt ngôn ngữ, phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng sẽ được Các Bên thương lượng trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Nếu Các Bên không tự giải quyết được thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.
Any dispute including language conflict during implementing the Agreement shall be negotiated by the Parties in the spirit of mutual respect, understanding and trustworthiness. If it can not be resolved by the Parties, it will be submitted to the competent Court for settlement.

Điều 14. Các Điều Khoản Khác

Article 14. Miscellaneous

- 14.1. Mọi thay đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp Đồng phải được Các Bên thỏa thuận và lập thành văn bản. Các bản sửa đổi bổ sung, các phụ lục hợp đồng, và các văn bản liên quan khác là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng.
Any amendment, supplement to the Agreement shall be agreed and made in writing by the both Parties. The amendments, supplements, annex(es) and other related documents are integrated parts of the Agreement.
- 14.2. Trường hợp có điều khoản nào của Hợp Đồng bị vô hiệu theo quyết định của cơ quan giải quyết tranh chấp thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với Các Bên. Các Bên sẽ thương lượng và thỏa thuận để sửa đổi và/hoặc bổ sung lại điều khoản đó theo quy định của pháp luật.
In case any provision of the Agreement is invalid under the decision of dispute settlement agencies, the validity of the remaining provisions of the Agreement shall not in any way be affected. The Parties shall negotiate and agree to amend and/or supplement such provisions under the law.
- 14.3. Trường hợp Hợp Đồng được lập thành song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
In case the Agreement is made in bilingual English and Vietnamese, if any conflict between English and Vietnamese version, the Vietnamese version shall prevail.
- 14.4. Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Khách Hàng trả hết toàn bộ số nợ gồm nợ gốc, lãi, các khoản tiền phạt và các khoản phí, chi phí khác (nếu có).
The Agreement shall be valid from the signing date until the date the Customer repays fully principal, interest, fines and other fees, expenses (if any).
- 14.5. Hợp Đồng được lập thành ba (03) bản có giá trị như nhau; Khách Hàng giữ một (01) bản và Ngân Hàng giữ hai (02) bản.
This Agreement is made in three (03) originals which are of equal authenticity. The Customer keeps one (01) original, the Bank keeps two (02) originals.
- 14.6. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Mỗi Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên vào Hợp Đồng.
The Parties hereby acknowledge that this Agreement has been voluntarily entered into without falsity, coerciveness, deceptiveness, intimidation, or mistake. Each Party has reviewed, understood, agreed and signed the Agreement.
- 14.7. Khách Hàng xác nhận rằng Ngân Hàng đã cung cấp, giải thích chi tiết, đầy đủ và Khách hàng đã hiểu rõ, đồng ý với toàn bộ thông tin về khoản cấp tín dụng, nội dung Hợp Đồng này và các vấn đề khác có liên quan đến khoản cấp tín dụng.
The Customer confirms that the Bank has provided and explained fully in detail and the Customer has fully understood and agreed to all information about the credit granting, the content of this Agreement and other matters related to the loan

(Ký tên)